

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 441/QĐ-CNNLPT ngày 15 tháng 07 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông Lâm Phú Thọ)

Tên nghề: Kỹ thuật máy nông nghiệp

Mã nghề: 5520102

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS trở lên

(Đối tượng tuyển sinh là học sinh tốt nghiệp THPT không phải học thêm 15 tín chỉ phần văn hóa bổ trợ)

Thời gian đào tạo: 1,5 năm

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương: 15 tháng thực học.

- Tốt nghiệp THCS hoặc tương đương: 18 tháng thực học.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Cung cấp cho người học những năng lực để thực hiện công việc của nghề Kỹ thuật máy nông nghiệp. Sau khi tốt nghiệp người học có kiến thức và kỹ năng để vận hành thành thạo và bảo dưỡng sửa chữa được các loại máy thường dùng trong nông nghiệp.

Người học có đủ năng lực thích ứng với công việc thực tế, có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe, có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức:*

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hiến pháp, pháp luật và đường lối phát triển kinh tế của Đảng.

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản của các môn học cơ sở để làm cơ sở tiếp thu các môn học chuyên môn;

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các loại máy thường dùng trong nông nghiệp;

+ Trình bày được công dụng, các bước tiến hành, tổ chức, cải tạo đồng ruộng bằng các loại máy thường dùng trong nông nghiệp;

- *Kỹ năng:*

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ tháo lắp và các thiết bị hỗ trợ thông thường trong công tác kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa;

+ Kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa được các loại máy thường dùng trong nông nghiệp;

+ Vận hành thành thạo các máy các loại máy thường dùng trong nông nghiệp;

+ Liên kết được các máy nông nghiệp với bộ phận liên hợp để thành lập liên hợp máy đúng yêu cầu kỹ thuật;

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, tập thể;

+ Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc theo kế hoạch đã được xây dựng;

+ Chịu trách nhiệm đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện công việc được giao

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học làm việc được tại các vị trí sau:

+ Các doanh nghiệp, công ty, đơn vị và dịch vụ về máy nông nghiệp;

+ Các công trường, trạm thủy nông, trang trại;

+ Tự thành lập cơ sở kinh doanh dịch vụ liên quan đến vận hành, sửa chữa máy nông nghiệp.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 27

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 95 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ

- Khối lượng các môn học văn hóa bổ trợ: 225 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1595 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 760 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1231 giờ;

Kiểm tra: 84 giờ.

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	68	1595	478	1057	60

II.1	Môn học, mô đun cơ sở	22	390	219	148	23
MH 07	Cơ kỹ thuật	3	45	37	5	3
MH 08	Vẽ kỹ thuật	4	60	46	11	3
MH 09	Kỹ thuật điện	3	45	32	10	3
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	24	4	2
MH 11	Vật liệu học	2	30	25	2	3
MH 12	An toàn lao động	2	30	25	3	2
MĐ13	Kỹ thuật nguội	3	75	11	61	3
MĐ 14	Kỹ thuật hàn cơ bản	2	45	6	37	2
MH 15	Tìm kiếm việc làm và khởi nghiệp kinh doanh	1	30	13	15	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn nghề	46	1205	259	909	37
MH 16	Động cơ máy nông nghiệp	4	60	45	12	3
MĐ 17	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ máy kéo	6	150	30	114	6
MĐ 18	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực máy kéo	5	105	30	71	4
MĐ 19	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh và các bộ phận di chuyển máy kéo	4	105	25	74	6
MĐ 20	Vận hành và bảo dưỡng liên hợp cày	4	105	26	75	4
MĐ 21	Vận hành và bảo dưỡng liên hợp phay	4	105	26	75	4
MĐ 22	Vận hành và bảo dưỡng liên hợp bừa	4	105	26	75	4
MĐ 23	Máy thu hoạch lúa	4	105	12	90	3
MĐ 24	Máy ép trứng gia cầm	2	45	7	35	3
MĐ 25	Thực tập tốt nghiệp	9	320	32	288	
III	Các môn học văn hóa bổ trợ	15	225	188	26	11
MH 26	Toán học	8	120	100	13	7
MH 27	Vật lý	7	105	88	13	4
	Tổng cộng	95	2075	760	1231	84

4. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Áp dụng theo quy trình đào tạo và Quy chế thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp hiện hành của Nhà trường.